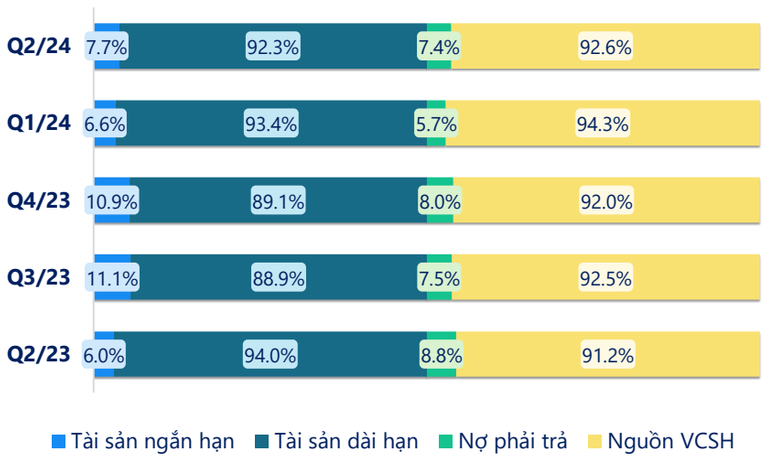
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Bắc Minh (UPCOM: SBM)

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	34,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	35,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	25,205
SL cổ phiếu LH	45,044,953
KLGD BQ 20 phiên (CP)	330
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,559
P/E	13.5
EPS	2,564

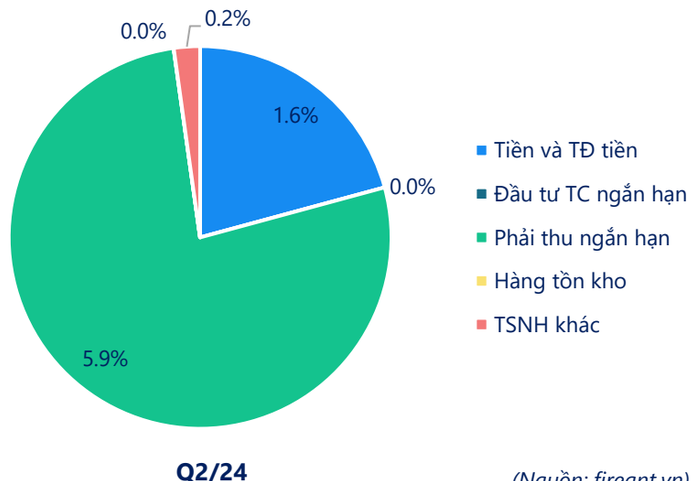
	YTD	1T	3T	6T
SBM	23.0%	6.5%	19.0%	23.0%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%

Cơ cấu Tổng tài sản



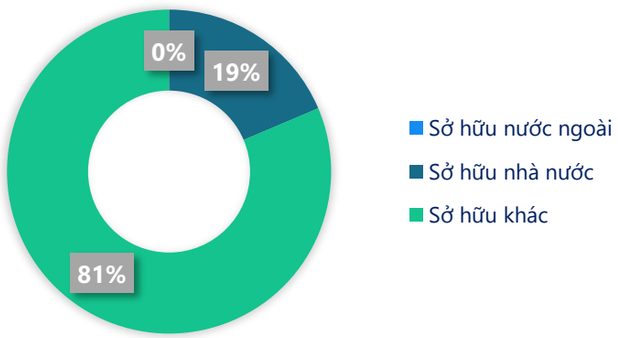
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



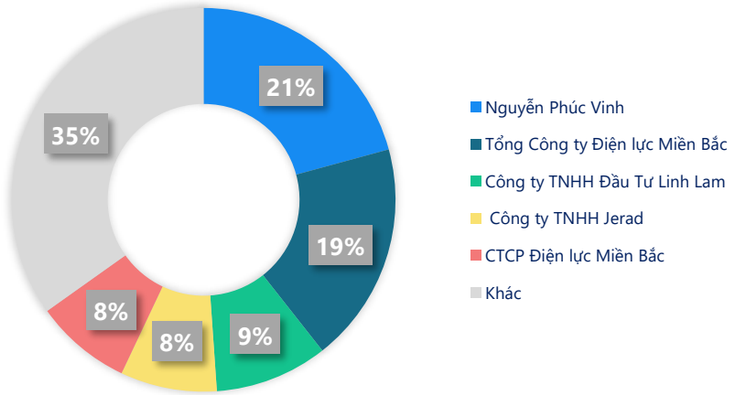
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



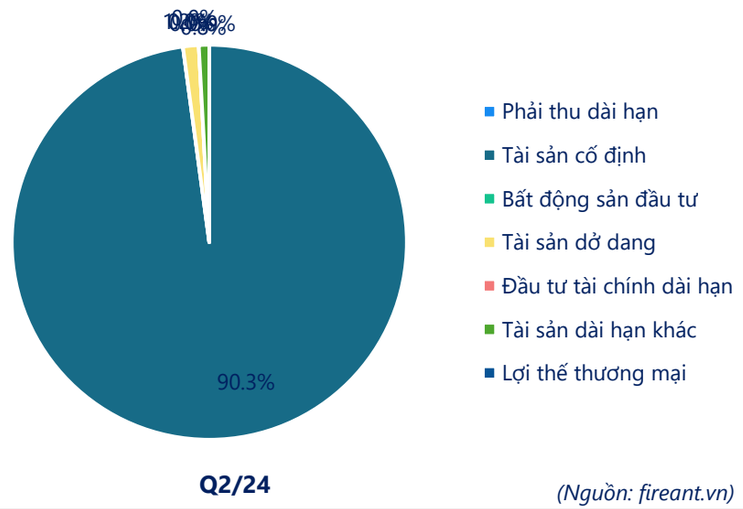
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

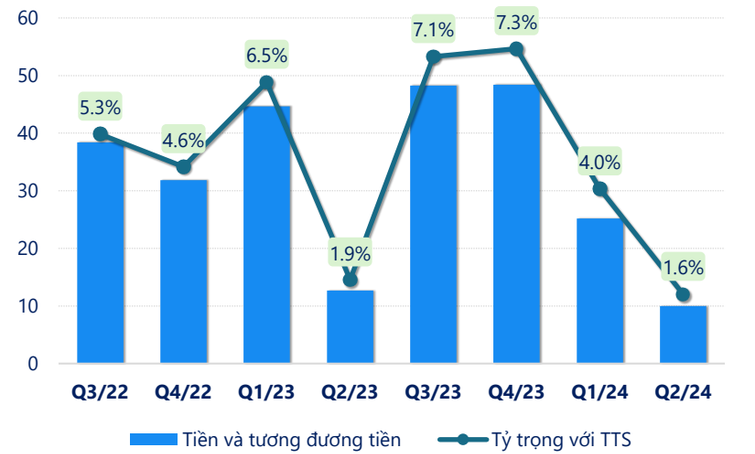


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

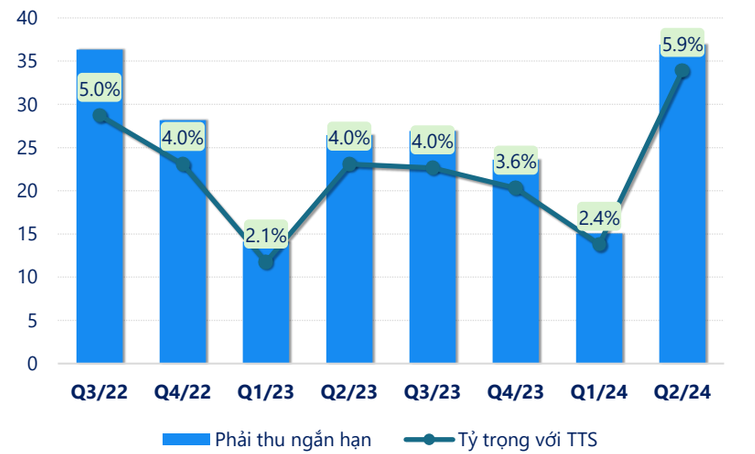
CTCP Đầu tư Phát triển Bắc Minh (UPCOM: SBM)

Tiền và tương đương tiền



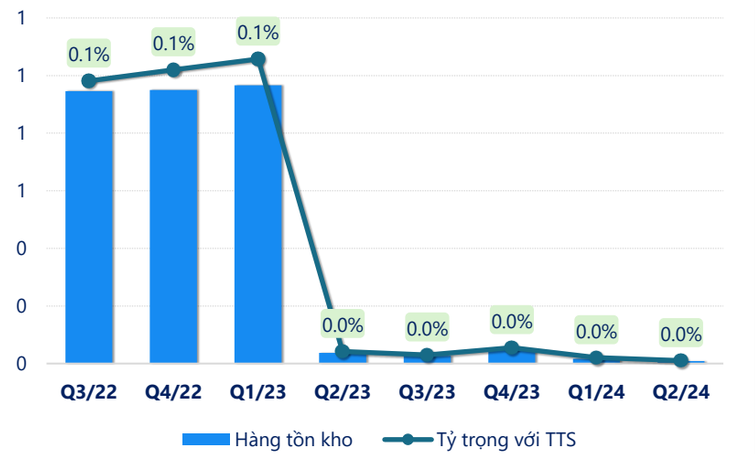
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



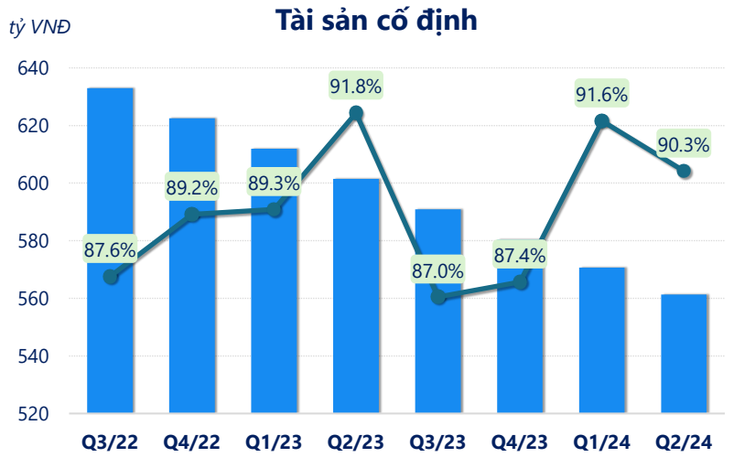
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



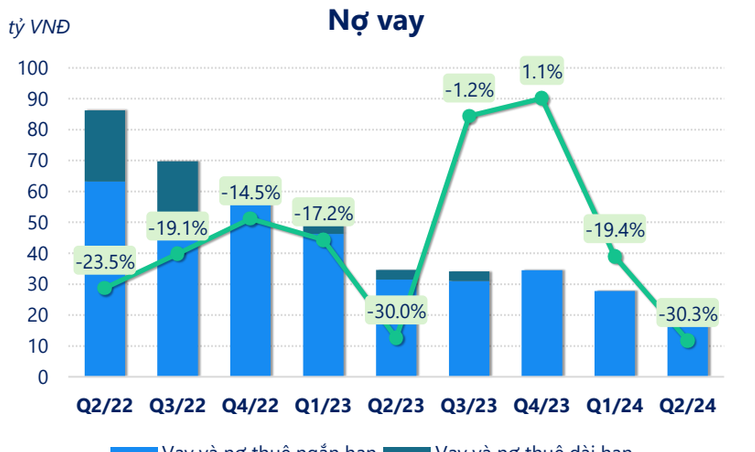
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



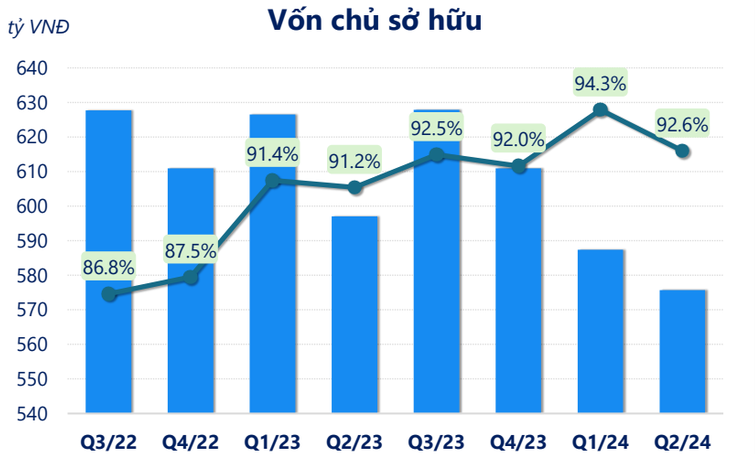
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

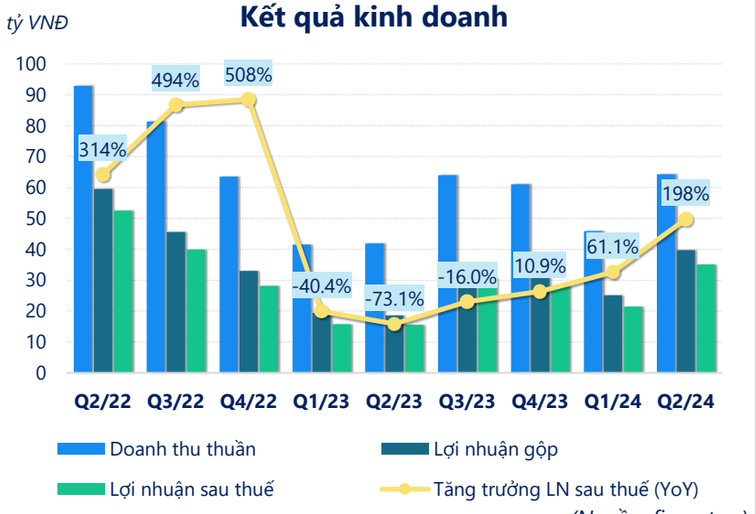


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

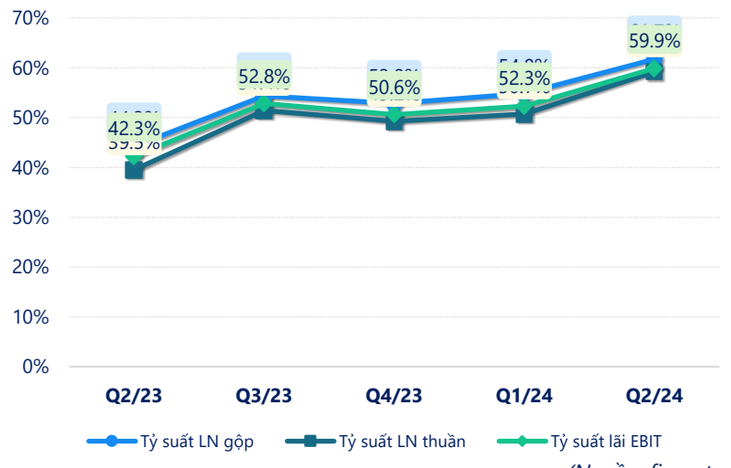
CTCP Đầu tư Phát triển Bắc Minh (UPCOM: SBM)

Kết quả kinh doanh



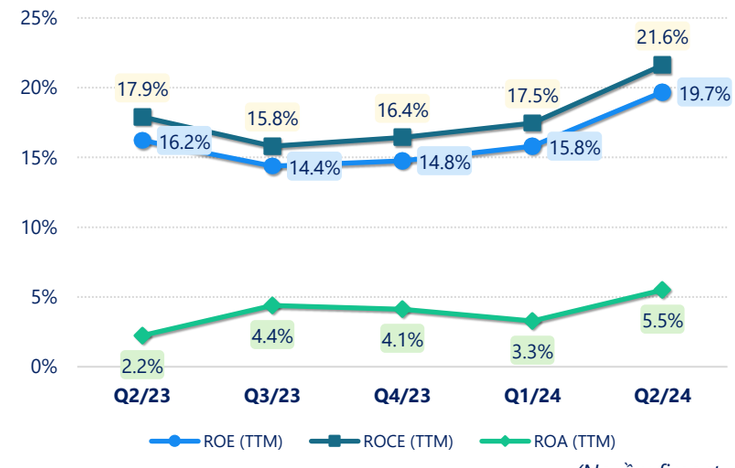
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



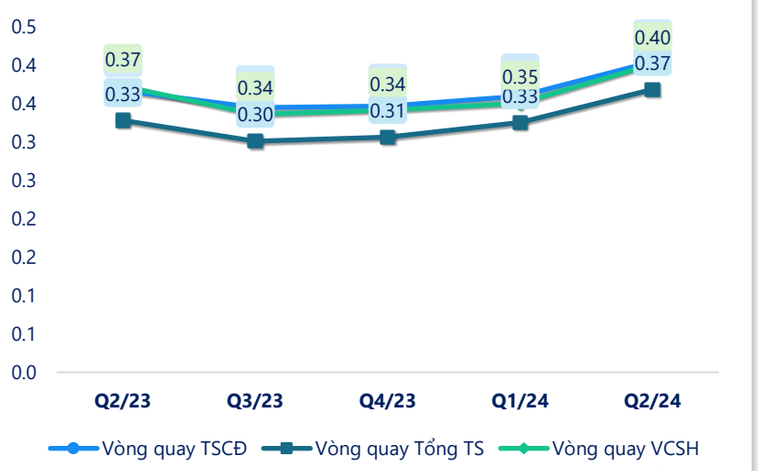
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



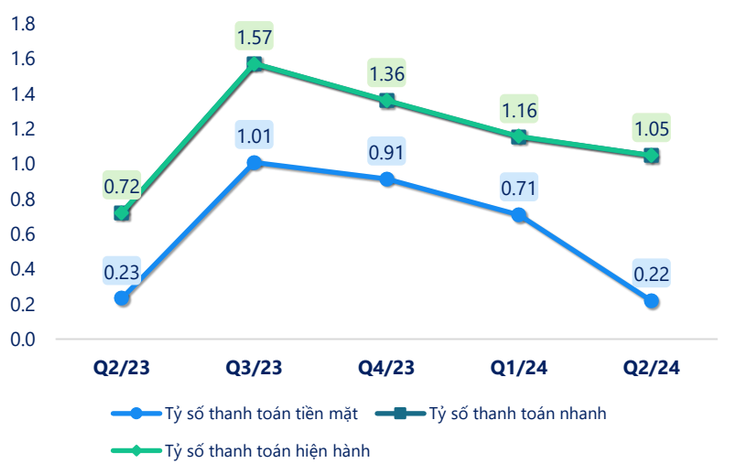
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



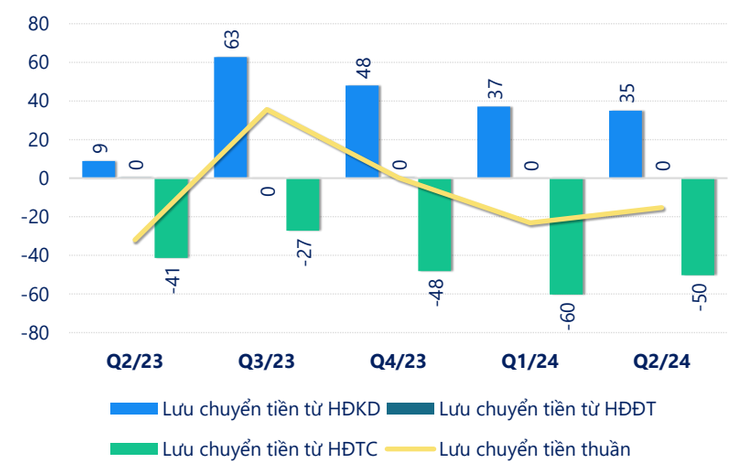
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Phát triển Bắc Minh (UPCOM: SBM)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**621**	**664**	**-6.4%**
Tài sản ngắn hạn	47.9	72.1	-33.5%
Tiền và tương đương tiền	9.96	48.4	-79.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	36.9	23.6	56.4%
Hàng tồn kho	0.01	0.05	-82.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.06	0.04	2447%
Tài sản dài hạn	**574**	**592**	**-3.1%**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	561	580	-3.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.35	7.31	0.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.89**	**4.07**	**20.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	45.8	52.9	-13.6%
Nợ ngắn hạn	**45.8**	**52.9**	**-13.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.4	34.5	-43.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.55	2.43	46.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**576**	**611**	**-5.8%**
Vốn chủ sở hữu	**576**	**611**	**-5.8%**
Vốn điều lệ	450	450	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	41.9	64.0	61.0	45.8	64.3
Giá vốn hàng bán	23.4	29.2	28.8	20.7	24.6
Lợi nhuận gộp	18.5	34.8	32.2	25.1	39.7
Doanh thu HĐTC	0.41	0.16	0.34	0.15	0.10
Chi phí TC	1.14	0.88	0.84	0.70	0.45
Chi phí lãi vay	1.14	0.88	0.84	0.70	0.45
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.25	1.14	1.69	1.32	1.28
LN thuần từ HĐKD	16.6	32.9	30.0	23.3	38.0
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	0	0.01	0
LN trước thuế	16.6	32.9	30.0	23.3	38.0
Lợi nhuận sau thuế	15.6	30.8	28.1	21.4	35.1
LNST của CĐ cty mẹ	15.6	30.8	28.1	21.4	35.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.89	62.8	47.9	37.0	34.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.44	-0.02	0.30	0.09	0.09
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-41.3	-27.2	-48.1	-60.3	-50.3
Tiền đầu kỳ	44.6	12.7	48.2	48.4	25.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-31.9**	**35.6**	**0.15**	**-23.2**	**-15.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.7	48.2	48.4	25.2	9.96

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic